

CÔNG TY TNHH LKD 888
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LKD 888

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LKD 888 COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110010787

3. Ngày thành lập: 26/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà 01, Ngõ 02, đường Hoàng Liệt, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989056587

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đầu giá)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632(Chính)
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Mua bán trang thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659

25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	4669
29.	Khai thác gỗ	0220
30.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
31.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
35.	Khai thác và thu gom than non	0520
36.	Khai thác quặng sắt	0710
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ hợp báo)	8230
38.	Dịch vụ đóng gói	8292
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
40.	Giáo dục nhà trẻ	8511
41.	Giáo dục mẫu giáo	8512
42.	Giáo dục tiểu học	8521
43.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
44.	Đào tạo sơ cấp	8531
45.	Đào tạo trung cấp	8532
46.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
47.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

48.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
49.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560
50.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (Trừ massage)	9610
51.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
52.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
53.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
58.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
59.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (Trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật)	6619
60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật) - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
62.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)	7020
63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	7110
64.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
68.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
70.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
73.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
74.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
75.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
76.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
77.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
78.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
79.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

80.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
82.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
83.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
84.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
85.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
86.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
87.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
88.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
89.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
90.	Sản xuất chè	1076
91.	Sản xuất cà phê	1077
92.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
93.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
94.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	1101
95.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
96.	Sản xuất sợi	1311
97.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
98.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
99.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
100.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
101.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
102.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
103.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
104.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
105.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
106.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
107.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
108.	Sản xuất giày, dép	1520
109.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
110.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
111.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

112.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
113.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
114.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
115.	In ấn	1811
116.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
117.	Sao chép bản ghi các loại	1820
118.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
119.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
120.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
121.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
122.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
123.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
124.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
125.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
126.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
127.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
128.	Đúc sắt, thép	2431
129.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
130.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
131.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
132.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
133.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
134.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
135.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huân chương, huy hiệu)	2599
136.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
137.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
138.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
139.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
140.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
141.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá)	4774

142.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
143.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
144.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
145.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
146.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
147.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
148.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
149.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
150.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
151.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
152.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
153.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
154.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
155.	Bốc xếp hàng hóa	5224
156.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
157.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển (Trừ hoạt động dịch vụ hàng không và hoa tiêu)	5229
158.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
159.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
160.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

161.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
162.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
163.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
164.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình; Trừ báo chí)	5911
165.	Hoạt động hậu kỳ	5912
166.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình; Trừ báo chí)	5913
167.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
168.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Tư vấn, định hướng về nghề nghiệp, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động lựa chọn ngành nghề, phương án đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện phù hợp với khả năng và nguyện vọng; - Tư vấn việc làm cho người lao động để lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn về kỹ năng tham gia dự tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; - Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển, sử dụng và quản lý lao động; về quản trị và phát triển việc làm, phát triển nguồn nhân lực; (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
169.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Doanh nghiệp cho thuê lại lao động	7820
170.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động	7830
171.	Đại lý du lịch	7911
172.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
173.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
174.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

175.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
176.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
177.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
178.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
179.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại Nhà nước cấm)	3240
180.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
181.	Sản xuất điện	3511
182.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
183.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
184.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
185.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
186.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	3812
187.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
188.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải nguy hại	3822
189.	Tái chế phế liệu	3830
190.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
191.	Xây dựng nhà để ở	4101
192.	Xây dựng nhà không để ở	4102
193.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
194.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
195.	Xây dựng công trình điện	4221
196.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
197.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
198.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
199.	Xây dựng công trình thủy	4291
200.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
201.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
202.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
203.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
204.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
205.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

206.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
207.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
208.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
209.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
210.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
211.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
212.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
213.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
214.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
215.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764
216.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
217.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
218.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 2.600.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ NINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/07/1953

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011241838

Ngày cấp: 30/05/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Nhà 19A – E4 Tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà 19A – E4 Tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội